

## **CÔNG GIÁO THẾ KỈ XX: VÀI KHÍA CẠNH TIẾN TRIỂN CỦA THÂN HỌC**

(Tiếp theo kì trước)

ĐỖ QUANG HÙNG (\*)

### **3. Sự bùng nổ những dòng thần học mới thế kỉ XX**

Thế kỉ XX được bắt đầu bằng thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) mà J. Reed gọi là "Mười ngày rung chuyển thế giới" và rất nhanh tạo ra "thế lưỡng cực", đối chọi quyết liệt nhau về ý thức hệ: tư sản - vô sản, Chủ nghĩa xã hội - Chủ nghĩa tư bản, Duy tâm - Duy vật, vô thần - hữu thần... trên quy mô toàn cầu.

Hai cuộc Đại chiến thế giới ở nửa đầu thế kỉ XX không chỉ gây nên sự tàn phá nhân loại và môi sinh mà còn làm nảy sinh hàng loạt trào lưu tư tưởng triết học về thân phận con người.

Đặc biệt, sự suy yếu của hệ thống Tư bản chủ nghĩa, sự giải thể của chủ nghĩa thực dân trước làn sóng giải phóng dân tộc ở Á - Phi - Mỹ Latinh càng kéo theo sự suy thoái của Kitô giáo và chủ nghĩa Trung tâm Châu Âu. Đồng thời đã xuất hiện xu hướng khám phá, khẳng định các giá trị nhân văn, văn hoá cổ truyền của các nước vốn là thuộc địa, các nước thuộc thế giới thứ ba.

Cũng từ nửa sau thế kỉ XX, sự phát triển như vũ bão của cuộc Cách mạng khoa học kĩ thuật lần thứ hai nhanh chóng đưa loài người vào nền văn minh hậu công nghiệp và tin học. Tiếp đó là vấn đề *Toàn cầu hoá, Khu vực hoá*, mở cửa và hội nhập kinh tế, văn hoá...

Có thể nói, chính thế kỉ XX - thế kỉ có năm Thánh 2000 - với thế giới Công giáo, thực sự là thế kỉ diễn ra những sự biến đổi căn bản, mạnh mẽ hơn mọi sự kiện các thế kỉ đã qua cộng lại.

Lịch sử Kitô giáo đã nói đến khái niệm "tính hiện đại" (modernité) từ thế kỉ XVI. Đến thế kỉ XX, vấn đề này có nội dung rõ rệt, sâu rộng trong đời sống xã hội và tôn giáo với 3 biểu trưng:

- Sự ưu tiên cho lí trí, khoa học - kĩ thuật.

- Sự phát triển của tự do cá nhân, nổi lên vai trò quần chúng trên sân khấu lịch sử, dẫn đến sự lựa chọn (thực sự) với tôn giáo.

- Quá trình *Toàn cầu hoá* kinh tế, xã hội cũng dẫn đến sự suy giảm các tôn giáo chủ lưu (dominante), sự hạn chế *chủ nghĩa nhị nguyên* về tôn giáo và thay thế bằng một *thái độ đa nguyên* hơn về tôn giáo.

Về phương diện thân học, các sự kiện lớn về chính trị, xã hội, kinh tế - văn hoá kể trên *lần đầu tiên* đụng đến những *hiểu biết nền tảng của niềm tin* Kitô giáo.

Tôn giáo, đặc biệt là các tôn giáo thế giới như Kitô giáo có đặc trưng thân học là *sự vượt ra khỏi mọi giới hạn triết để của thực tại khách quan*. Trên bình diện nhận thức, đặc trưng của các tôn giáo này cho phép người ta biết những cái không thể biết (*mặc khải*): từ sự sống và cái chết, nguồn gốc vũ trụ, không gian và sự kết thúc của nó...

Ở thế kỉ XX những điều đó chưa phải đã biến mất. Nhưng rõ ràng con người đã có thể tự tìm kiếm *cái tôn giáo* theo cách riêng của mình. Người ta cũng đòi hỏi sự giải thích lại tôn giáo trong đời sống hiện thực.

---

\*. PGS. TS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

Kitô giáo vốn được coi là *đạo Nhập thể*, nhưng với người Kitô hữu, việc giải quyết quan hệ Đạo - Đời, giữa vật chất và tinh thần, giữa Nước Trời và trần gian thực nhiều nghịch lí. Theo Lm. Teilhard de Chardin, trước Công đồng Vatican II (1962-1965), chín phân mười người Kitô hữu giữ đúng luật Hội Thánh đều coi việc đời như là sự "cản trở đường thiêng liêng".

Một cây bút Công giáo Việt Nam mới gần đây nhận xét: "Trong viễn tượng một tôn giáo chỉ mãi miết đi tìm sự cứu rỗi cá nhân và muốn thực hiện sự cứu rỗi đó bằng cách phủ nhận, từ chối cuộc đời này thì dù người tín hữu ấy có dẫn thân hoạt động, cố gắng hoà mình với đời, nhưng người ngoài Công giáo vẫn thấy nơi nội tâm người tín hữu ấy phảng phất cái gì đó cách biệt, đáng ngờ vực của một kẻ hai lòng hay một bạn đồng minh miễn cưỡng"<sup>(1)</sup>.

Đó chỉ là một ví dụ cho cái logic của sự biến đổi mạnh mẽ của thần học Kitô giáo thế kỉ này. Cuốn sách *Toàn cảnh thần học thế kỉ XX* của Rosino Gibellini<sup>(2)</sup>, một tác phẩm có cái nhìn rất bao quát và sâu sắc, đã cho chúng ta một cái nhìn khá hệ thống về sự chuyển biến thần học diễn ra như thế nào.

Trong lời đầu sách, tác giả đưa ra quan niệm rất hay là, một "dòng thần học" không chỉ bàn về *các Bí tích* (les sacrements) và *Mặc khải* (Révélation), những chủ đề thần tuý của thần học mà còn phải bàn "trong văn cảnh của những kinh nghiệm văn hoá và xã hội ngay trong lòng những nội dung suy tư thần học dù nhỏ trong thế kỉ của chúng ta"<sup>(3)</sup>.

Theo đó, tác giả chia ra các dòng thần học mới trong thế kỉ XX chủ yếu như sau:

1. Thần học biện chứng (Théologie dialectique).
2. Thần học hiện sinh (Théologie existentielle).
3. Thần học bí hiểm (Théologie herméneutique).
4. Thần học văn hoá (Théologie de la culture).

5. Thần học tục hoá (Théologie de la sécularisation).

6. Thần học lịch sử (Théologie de l'histoire).

7. Thần học hi vọng (Théologie de l'espérance).

8. Thần học chính trị (Théologie politique).

9. Thần học giải phóng (Théologie de la libération).

10. Thần học đen (Théologie noire).

11. Thần học phụ nữ (Théologie féministe).

12. Thần học thế giới thứ 3 (Théologie du tiers - monde).

13. Thần học Đại kết (Théologie oecuménique).

Có thể sự phân chia này chưa tạo được sự nhất trí hoàn toàn đối với người đọc. Chẳng hạn, có gì khác biệt giữa Thần học đen (Phi Châu) với Thần học Á Châu? Giữa Thần học biện chứng với Thần học tục hoá?... Sự phân loại các dòng Thần học này là theo *nội dung* hay tính cách biểu đạt?... Nhưng chắc chắn, sự phân loại có tính thống kê này thu hút sự chú ý của người đọc vì tính hợp lí (cơ bản) của nó.

Theo chúng tôi, để làm rõ bức tranh chung ấy, tốt nhất chúng ta *phân loại theo khu vực*, vốn là một đặc tính hiện rõ sự khác biệt của cơ cấu tổ chức Giáo hội Công giáo toàn cầu. Dưới đây là các khu vực chủ yếu nhất:

### 3. 1. Khu vực Châu Âu

Kitô giáo nói chung và Công giáo nói riêng là một trong những *căn tính* của văn minh Châu Âu.

1. Nguyễn Thái Hợp. *Đường vào thần học về tôn giáo*. t. 1, Dấn thân, Houston, Hoa Kỳ, 2000, tr. 235.

2. Nguyễn Văn, xem cuốn: Rosino Gibellini, *Panorama de la Théologie au XX<sup>e</sup>S.*, CERF, Paris, 1994. Cám ơn Lm. Đặng Thanh Minh, Giáo phận Huế cho chúng tôi sử dụng cuốn sách này. Tác giả sách là người Italia. Ở đây sử dụng bản tiếng Pháp.

3. Rosino Gibellini. *Panorama de la...*, *Sđđ.*, p. 8.

Có thể nói đặc điểm cơ bản của Thần học Kitô giáo thế kỉ XX là sự suy giảm và giải kinh viện, giải chủ thuyết trung tâm Châu Âu (Eurocentrisme), gỡ bỏ những khuôn khổ ngặt nghèo, tự do hơn để vừa giữ chiều kích dọc hướng về Thiên Chúa, vừa vươn chiều ngang, vươn tới con người trần thế. Nghĩa là những suy tư thần học phải quan tâm đúng mức đến thực tiễn của nhân loại để giải quyết những vấn đề của xã hội đặt ra trước Đức tin Kitô giáo.

Chính ở Châu Âu, cái nôi của Thần học kinh viện, đã nảy sinh ra phần lớn các dòng thần học mới mà Rosino Gibellini kể ra trên đây.

*Thần học biện chứng* được coi là dòng thần học mới đầu tiên ở Châu Âu thế kỉ XX.

Có nhận xét rằng: trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, người phương Tây còn say đắm trong sự hưng thịnh của Chủ nghĩa tư bản, tư tưởng Kitô giáo nhất là thần học Tin Lành (Tân giáo) còn vai trò nhất định.

Họ tin rằng, với sự mặc khải của Thiên Chúa thể hiện trong thế nhân tràn đầy đức tin! Nhưng cuộc Đại chiến khiến con khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo đến, người ta bắt đầu nghi ngờ và thất vọng với Chủ nghĩa tư bản và cả hệ thống giá trị tư tưởng phương Tây.

Cả Châu Âu Công giáo bắt đầu phê phán gay gắt về tính cách nguyên uỷ của cái ý thức về tội lỗi của Kitô giáo. Họ cho rằng, có một khoảng cách quá lớn giữa Chúa và con người, việc cứu độ nếu chỉ căn cứ vào nỗ lực bản thân thì chẳng khác nào kẻ "tự nắm tóc mình để tự nhắc mình lên khỏi mặt đất".

Rosino Gibellini trình bày *Théologie dialectique* ra sao?

Trước hết, theo ông, *Thần học biện chứng* bắt nguồn từ dòng thần học tự do đầu thế kỉ XX mà Trường Đại học Tổng hợp Berlin là nơi xuất phát và là một cái "ampli" cho cả dòng thần học này khuếch đại. Theo ông, chính nhà thần học Đức Adolf Harnack (1851-1930) là người mở đầu. Sử gia thần học này khi kế thừa ý kiến của Feuerbach và Engels về *Bản chất của đạo Cơ Đốc* đã

nói rằng, thông điệp của Chúa Jésus là Phúc Âm, nhưng nó còn phải là một "Tin Mừng" đem lại niềm vui thực sự cho con người... Bên cạnh Harnack, tác giả cũng tính đến Ernest Troeltsch (1865-1923), Rudolf Bulmann. Tất nhiên, sau đó là Karl Barth, Hans Kung, Rudolf Otto...

Theo tác giả, "Thần học tự do sinh ra trong sự gặp gỡ tư tưởng của chủ nghĩa tự do - ý thức trung tâm của giai cấp tư sản Âu Châu thế kỉ XIX - và thần học Tin Lành. Nền thần học này có những tiền đề lịch sử trong triết học về tôn giáo của Hegel và trong thần học của Schieiermacher. Người ta gọi "thần học tự do" chính là sự *giải thích duy lí* (l'interprétation rationaliste) về *Tân Ước* (Baur, Strauss, Bauer) nửa đầu thế kỉ XIX..."<sup>(4)</sup>.

Điểm then chốt của dòng thần học này là đã sử dụng triệt để các phương pháp phê bình - lịch sử của phép biện chứng, hài hoà trong khả năng có thể, tôn giáo của người Kitô hữu với ý thức văn hoá hiện đại. Dòng *Thần học biện chứng* nổi bật trong nửa đầu thế kỉ XX và có ý nghĩa mở đường, kích thích cho sự ra đời các dòng thần học tiếp theo.

Và "một bước ngoặt tiếp theo của thần học tự do đã tới: dòng thần học mới có hình hài rõ rệt dưới tên "thần học biện chứng" ra đời, một nền "thần học đã được rửa tội (Baptisé)"<sup>(5)</sup>. Rosino Gibellini đã đánh giá rất cao sự xuất hiện của dòng thần học đây mới mẻ này.

Vì sao gọi nó là "thần học biện chứng"?

"*Biện chứng* - tác giả viết - vì nền thần học này là một thực thể có ý nghĩa cặp đôi:

a) Mặc khải là một cấu trúc biện chứng của những giá trị tương hỗ: Thiên Chúa và Con người, sự vĩnh cửu (l'éternité) và thời gian, Mặc khải và lịch sử.

b) Những lời phán quyết của thần học cần có sự quan sát, khảo sát biện chứng, không thể chỉ là sự khẳng định có hoặc

4. Rosino Gibellini, *Sdd.*, p. 18.

5. Rosino Gibellini, *Sdd.*, p. 19.

không hoặc sự uốn nắn (Corrigeant) có thành không và không thành có... Thần học biện chứng có thể chiến thắng khi mà nó sử dụng Mặc khải của Thiên Chúa để TRẢ LỜI cho những câu hỏi của hiện tồn<sup>(6)</sup>.

Như vậy, các nhà *Thần học biện chứng* đã tạo ra được một số luận đề thần học tiến bộ:

- Cần thoát khỏi sự trói buộc của các quan niệm siêu hình tôn giáo về Chúa, đạo Kitô đã bị đóng gông trong một cái khung siêu hình: Thiên Chúa là thứ siêu tự nhiên quá xa rời trần thế.

Chúa bản thân là một giá trị siêu việt, thế giới bên kia cũng vậy, nhưng tất cả đều phải lí giải từ góc độ xã hội, luân lí, tuyệt đối không được hiểu theo lối trừu tượng, siêu hình.

- Phản đối sự cứu rỗi linh hồn cá nhân, sự cứu rỗi phải mang tính nhân loại: vì thế Giáo hội phải có tính cách liên minh và tập thể.

- Thần học biện chứng ủng hộ các cuộc đấu tranh chống chính trị tàn bạo, người Công giáo có thể tham gia đấu tranh chính trị, xã hội.

Nhân vật tiêu biểu cho xu hướng thần học này ở Pháp là trường hợp Alfred Loisy (1857 - 1940).

Ông là người dám chống lại *Chủ nghĩa Kinh Thánh* siêu hình và bảo thủ của thần học kinh viện nên đã bị rút phép thông công năm 1908. Ông còn là *cha đẻ* của *chủ nghĩa hiện đại* (Modernisme) trong giáo hội Công giáo. Tư tưởng của A.Loisy có 2 điểm đặc sắc:

- Ông cho rằng, toàn bộ lịch sử Giáo hội, triết học kinh viện chỉ nhằm mục đích *minh giáo, hộ giáo* (Apolosihque) mà các tư liệu Thánh kinh không hề được thẩm định, đối chiếu khoa học.

- Với A. Loisy, *chủ nghĩa hiện đại* có thêm tiến bộ quan trọng là: "Giáo hội phải thích nghi ý niệm Nước Trời với những điều kiện không gian và thời gian cụ thể, các tín điều này chỉ là những biểu tượng giúp ta nắm được những đường hướng vĩnh cửu không thay đổi"<sup>(7)</sup>.

Loisy cũng là người tiếp nối tư tưởng của các nhà Phục Hưng trong thế kỉ Ánh Sáng ở Pháp: *Tôn giáo và lí trí loại trừ nhau* (E.Kant ở Đức có khác ít nhiều). Người ta cũng đòi hỏi một vị linh mục không chỉ giảng các tín điều thâm sâu huyền bí mà còn dạy con người biết sống hài hoà với xã hội: Việc thờ phụng cũng phải hướng về con người!

Rồi từ phép biện chứng trong các khuynh hướng triết học của Karl Marx và Nietzsche, một số nhà thần học tiến bộ đã nghĩ đến một thứ *Kitô giáo không tín điều*, hoặc có một thứ tín điều được soi sáng bằng ánh sáng của lí trí... Đó là những gì đã có ở A.Loisy: một chủ nghĩa hiện đại có cấu trúc tư tưởng chặt chẽ hơn.

Cũng cần lưu ý rằng, cùng với Loisy, thần học gia Công giáo Pháp còn có: Henri de Lubac, Yves Congar, Teilhard de Chardin... Họ đã đóng góp thực xứng đáng cho dòng thần học quan trọng này đầu thế kỉ XX.

Ở Pháp, Công giáo vốn đã thấm sâu vào văn hoá, chứ không chỉ là chuyện kinh kệ thờ phụng. Vì thế, tất cả họ đều có mong muốn biến các *maisons de culte* (nơi thờ phụng) thành các *maisons de culture* (nhà văn hoá).

Một nền văn hoá thấm đẫm tinh thần Kitô giáo như thế, tạo cho nền văn hoá đó một sức sống từ một nguồn lực rất quan trọng là Kitô giáo, mà chính các nhà tư tưởng Công giáo nổi tiếng như A.de Lubac, Yves Congar... đã từng phân tích<sup>(8)</sup>.

Trở lại A.Loisy. Ông còn là tác giả cuốn *Sách Tin Mừng và Giáo hội* (*L'Evangile et l'Eglise*), một cuốn sách có cái nhìn, phê phán với lập trường chính thống của Giáo hội: bác bỏ mọi biện luận *Minh giáo* về Giáo hội học, các bí tích, quyền bính của giáo hội...

6. Rosino Gibellini, *Sdd.*, p. 23- 24.

7. Ý kiến của A.Loisy về *chủ nghĩa hiện đại*, Xem *Grandes figures Catholiques du XX<sup>e</sup> Siecle*, F.Boired, Paris, 1995.

8. Xem: *Actualité religieuse*, số 11 - 1995.

Ông viết trong cuốn *Những việc đã qua* (*Choses passées*) năm 1913 rằng: "Đường như Giáo hội đã gắn bó với một quan niệm lỗi thời về thế giới, về cuộc sống và về xã hội đến nỗi mời gọi Giáo hội thay đổi cách thể hiện lại hoá ra đồng nghĩa với việc xúi Giáo hội tự tử..."<sup>(9)</sup>.

#### *Trường hợp Yves Congar*

Là người được tham gia chuẩn bị Văn kiện cho Công đồng Vatican II, Linh mục Congar cũng là người phê phán khuynh hướng "giáo triều" của các giám mục. Năm 1979, tại Đại hội các nhà thần học thế giới họp ở Bruxelles, khi đang có biến cố "Thần học giải phóng" của Châu Mỹ Latinh, chính Yves Congar tự thể hiện như là một trong những người tiên phong đòi "tự do thần học".

Có thể nói, dòng *thần học biện chứng* nói chung đã thúc đẩy rất mạnh *khuynh hướng xã hội, tiếp xúc và đối thoại* của Công giáo với loài người, với các xã hội và các tôn giáo, trong đó vai trò của Yves Congar thực rõ rệt.

Ngay bản thân *Môn thần học* cũng không còn nguyên khối: bên cạnh các môn quen thuộc (Kitô học, Cánh chung học, Maria học, luân lí, giáo lí...) còn nảy sinh thêm: *khoa Truyền giáo* (Missiologie); *khoa Đại kết*; *Huấn giáo*; *Loan báo Tin Mừng* (Kérygmatische). Nhiều góc độ: nhân học của luân lí, tương quan các tôn giáo thế giới với lịch sử Thiên Chúa... lần đầu tiên được đặt ra trong lĩnh vực Thần học và buộc Giáo hội phải chú tâm.

Ngoài *Thần học biện chứng*, Châu Âu còn là nơi nảy sinh và hoạt động đan xen nhiều dòng thần học khác.

*Thần học hiện sinh* bắt đầu với "Những nghiên cứu mới về Jésus trong lịch sử" của R.Bultmann (1884 - 1976) theo xu hướng giải huyền thoại (la démythologisation). Bên cạnh đó là Heidegger, tác giả cuốn *Thực thể và thời gian* (*L'être et le Temps*, 1928). Dòng *Thần học bí hiểm* lúc đó cũng quan tâm đến chủ đề *Jésus lịch sử* với các nhà thần học như H. Gadamer, E. Fuchs

nhưng với hướng tiếp cận khác hẳn. Họ nghiên cứu kĩ văn bản học Kinh Thánh và tìm kiếm "ngôn ngữ có chức năng thần học như thế nào", tiến đến một lí thuyết "Ngôn ngữ thần học" (*Ngôi Lời và Đức tin*).

Từ thập kỉ 40, khuynh hướng *Thần học văn hoá* cũng rõ lên với vai trò nhà thần học người Mỹ gốc Đức là Paul Tillich (1886 - 1956) với cuốn sách cùng tên của ông, xuất bản năm 1956. Một thứ triết học tôn giáo mới mà Tillich cung cấp đã tạo ra thứ "Thần học tấn công" và "Lí trí giải phóng" (*La raison sauvee*).

Dòng *Thần học tục hoá* cũng hết sức sôi động đúng như xu hướng này lan toả, chế ngự cả thế giới Kitô giáo Âu Châu, từ F. Gogatten đến H.Blumenbez, M. Dominique Chenu (1895 - 1990) đã can đảm nói đến "Sự kết thúc của kỉ nguyên Constantanh" của Roma! Năm 1954, Karl Rhaner (1904 - 1984) còn có tác phẩm *Người Kitô hữu trong thế giới hiện đại* rất tiêu biểu cho khuynh hướng thần học này.

Nếu nửa đầu thế kỉ XX các dòng thần học mới chủ yếu ở Châu Âu là *thần học về Giáo hội và Kinh Thánh*, thì nửa sau thế kỉ nổi lên dòng *Thần học chính trị* (1965 - 1968), sau đó mới là *Thần học Giải phóng* ở Mỹ Latinh (1968 - 1972). Người châm ngòi là J.Baptist Metz, học trò của K.Rhaner, một linh mục trẻ dòng Tên chịu ảnh hưởng của tư tưởng mác xít. Ông xác định mối liên hệ thần học chính trị với chính trị tôn giáo, luôn phê bình thứ "tôn giáo tư sản" phản lại thứ "Tôn giáo thiên sứ" (religion messianique).

### **3. 2. Khu vực Châu Mỹ Latinh: Thần học Giải phóng**

Đây là khuynh hướng thần học tiến bộ, rất nổi tiếng và đã được nói nhiều, viết nhiều.

Ở đây, chúng tôi chỉ tập hợp lại một số đánh giá từ phía các nhà thần học, kể cả những "cha đẻ tinh thần" của dòng Thần học này.

9. Xem: *Công giáo và Dân tộc* số 14, T.L. đđ, tr. 59.

Khi viết về *Thần học Giải phóng* (P.399 đến 439), tác giả Rosino Gibellini, không chỉ nêu lịch sử vấn đề, nội dung và sự phát triển cùng những biểu hiện sống động của dòng Thần học này ở Châu Mỹ Latinh và mối quan hệ của dòng thần học này với "thần học Châu Âu". Ông còn cố gắng đưa ra những nhận xét về đặc tính của ý nghĩa to lớn của dòng thần học này với việc giải phóng xã hội và con người qua địa hạt thần học.

Ông cho biết: Phải đến 1986, khi các nhà thần học Mỹ Latinh bắt tay vào việc xuất bản bộ "*Thần học và Giải phóng*" gồm 50 tập (bằng các ngôn ngữ chính của thế giới), trả lời tất cả các vấn đề của thần học Kitô giáo trong một hệ thống theo các chủ đề tôn giáo và xã hội, thì người ta mới thực sự hiểu tầm vóc lớn lao của dòng thần học này, đặc biệt trong thế giới thứ ba.

Những điều Rosino Gibellini viết dưới đây rất đáng lưu ý:

"Thần học Giải phóng tự nó không phải là một khối (un bloc); người ta chỉ có thể hiểu được nó khi tiến hành phân tích 4 phương diện sau đây: 1. Một nền thần học được bắt đầu bởi sự thực hành của người mục tử: đó là nền thần học giải phóng hiểu theo nghĩa rộng, với phương diện giải phóng Người Mục tử về cả tâm linh và các phương diện văn hoá, xã hội; 2. Một nền thần học trước hết bởi sự thực hành của các tín đồ Mỹ Latinh, nền thần học này gắn chặt với nền văn hoá dân gian và phương diện xã hội. 3. Một nền thần học được bắt đầu bởi sự thực hành có tín lí. Một nền thần học được bắt đầu bởi sự thực hành có tính lịch sử; là khuynh hướng tự được các điểm dưới đây để tạo nên dòng thần học giải phóng: nó nhấn mạnh sự cứu rỗi phải gắn bó với sự giải phóng con người về thân phận xã hội. 4. Một nền thần học bắt đầu bởi sự thực hành của những nhóm các nhà cách mạng: Ở đây họ đã lôi cuốn những nhóm Kitô hữu tham gia các hành động chính trị cách mạng"<sup>(10)</sup>.

Các sách *Giáo khoa thần học* những năm gần đây của các Đại chủng viện bắt buộc

phải đề cập đến dòng Thần học non trẻ, độc đáo này. Họ - các tác gia thần học - đều coi nó là một dạng "thần học của thế giới thứ ba", nó là nỗ lực suy tư về *những hệ luận có tính chính trị - xã hội của Tin Mừng* và về sự giải phóng toàn diện con người trong đó trước hết là giải phóng kinh tế, chính trị khỏi bất công và nghèo đói... Gần đây, nhiều nhà nghiên cứu đã nói về sự truyền bá Phúc Âm "theo lối Marx" và hình thành Giáo hội của người nghèo (L'Eglise des pauvres) do các Giám mục Mỹ Latinh thành lập một "Giáo hội im lặng"... (Xem bài của Michel Cool. Truyền bá Phúc Âm theo lối Marx, bài phỏng vấn F. Houtart, đăng trên tờ *Te'moignage Chrétien*, số 20 - 10 - 1999).

Đã gần 40 năm qua, vị thế của dòng **Thần học giải phóng** lúc trầm, lúc bổng. Nhưng lục địa này, đến nay vẫn còn 70% dân chúng sống ở mức nghèo khổ: người dân nghèo ở đây vẫn bị *sát tế, bị hi sinh trên bàn thờ của chủ nghĩa tự do kinh tế...* nên nền thần học này vẫn còn lí do để tồn tại và phát triển.

Người ta thường nói Lm. người Pêru Gustavo Gutierrez là *cha đẻ của Thần học Giải phóng*. Mới đây trong bài phỏng vấn có tựa đề *Làm thế nào nói với những người nghèo khổ rằng Thiên Chúa yêu thương họ?* (Apic, số 15/11/1998), chính ông đã bộc lộ những đánh giá sau hơn 30 năm khi nền thần học giải phóng ra đời.

Ông nhận định:

a) Tại sao Thần học Giải phóng nhấn mạnh *chiều kích kinh tế xã hội*? Nền thần học này không chỉ phân tích cảnh nghèo, nguyên nhân của nó, cũng không tự giới hạn ở cách tiếp cận kinh tế; ngay từ đầu, trong khuôn khổ thần học, chúng tôi đã đề cập đến vấn đề chủng tộc, các nền văn hoá bị khinh rẻ, sự kì thị phụ nữ...

b) Tính phổ quát của Thần học Giải phóng khiến ta không nên gọi nó là "thần học Mỹ Latinh", cũng như xưa kia Thần học

10. Rosino Gibellini, Sđd., p. 41.

ở Âu Châu phát thịnh, nhưng người ta chỉ nói gọn là "thần học" mà thôi.

c) Tại sao là "Giải phóng" mà không là "Cứu độ"? Với tôi, đó là những khái niệm đồng nghĩa: không nên hiểu đơn giản "giải phóng" chỉ là chuyện chính trị! Dù nó quan trọng! Hơn nữa, với Kitô hữu, *Cái gốc rễ sâu xa của bất công xã hội là tội lỗi*, đó là sự "dứt tình" giữa Thiên Chúa và tha nhân! Với Mỹ Latinh, người nghèo của dân tộc tôi không chết khi cuộc đời họ kết thúc, mà chết ngay từ khi cuộc sống của họ bắt đầu. Sau cùng là cái chết văn hoá...<sup>(11)</sup>.

Điều Lm. Gustavo Gutiérrez nói rất có lí: Tư tưởng ấy của Thần học Giải phóng tự nó có sức lan toả ra nhiều châu lục, trong các cộng đồng Kitô hữu màu da khác nhau.

Gần đây nhất trong thư tịch về Thần học Giải phóng có lẽ là cuốn sách cùng tên do *Trung tâm 3 châu lục* ở Louvain, Bỉ của G.S. Francois Houtart cho xuất bản năm 2000, như một "tập đại thành" của hiện tượng đáng chú ý này.

Ngoài bài của chính G.Gutiérrez, tập sách còn có bài: *Chủ nghĩa Tân tự do và thần học* (Ruben R. Dri); *Các giáo hội Phi Châu với sự tiếp cận mới của Thần học Giải phóng* (V.K.Kandiki); *Tiếp cận xã hội - lịch sử của Thần học Giải phóng Islam* (M.T. Bensaada); *Góp vào Phật giáo với quan niệm giải phóng* (W. Ariyadeva)...

Cuối sách này phần Tư liệu, có đề mục đáng lưu ý: *Về những chứng từ của Thần học Giải phóng ở Châu Á*. Với bài ngắn của Hyun Kyung (Hàn Quốc) và của A. Pieris (Sri Lanka) đã góp thêm vào sự đánh giá diện mạo rộng lớn của "Thần học Giải phóng" cũng như sức sống của nó.

Ở Châu Mỹ Latinh còn có dòng **Thần học Phụ nữ** (Théologie féministe), nảy sinh ở Braxin. Việc phụ nữ dần dần làm thần

học thực ra đã có từ 1895, khi ở Mỹ có xuất bản *Kinh Thánh của phụ nữ* (*The Woman's Bible*) do một nhóm phụ nữ Tin Lành soạn.

Còn ở Pháp, nữ văn sĩ tên tuổi Simone de Beauvoir năm 1949 đưa ra cuốn *Giới thứ 2* (*Le deuxième sexe*). Năm 1963, một tác giả nữ người Mỹ cho ra cuốn *Nữ tính huyền nhiệm* (*The Feminine Mystique*)...

Từ những đóng góp đáng kể trong việc chú giải Kinh Thánh, tư tưởng thần học về phụ nữ cũng hình thành.

Nhưng có một định nghĩa không?

Bà Marie Clara Bingemer, nữ thần học gia nổi tiếng người Braxin có định nghĩa: "Đó là một nền thần học do phụ nữ xây dựng từ viễn cảnh của giới phụ nữ, theo những phương pháp riêng. Phụ nữ vốn bị loại bỏ khỏi phạm vi hoạt động thần học. Gần đây, phụ nữ Công giáo rất quan tâm thần học. Còn phụ nữ Tin Lành cũng đã có một số nhà thần học của họ.

Phụ nữ làm thần học không phải để đòi làm linh mục và lãnh nhận tác vụ. Cái quan trọng là *vấn đề nữ quyền* trong liên hệ của Kitô học!"<sup>(12)</sup>.

Còn Rosino Gibellini đánh giá thế nào?

Ông viết: "Thần học phụ nữ đặt ra vấn đề phải định nghĩa lại (redéfinition) mối quan hệ nhân chủng học và đạo đức học giữa người đàn bà và người đàn ông. Nó không chỉ chối bỏ khuôn mẫu nhân chủng xưa cũ của *sự lệ thuộc* của phụ nữ vào người đàn ông mà còn phản ánh những vấn đề của phong trào phụ nữ đặt ra cho Kitô giáo và cấu trúc của cộng đồng Kitô hữu..."<sup>(13)</sup>.

(Kì sau đăng tiếp)

11. Bài do Huỳnh Hay dịch, *Tuần báo Công giáo và Dân tộc*, ngày 14 - 1 - 1999.

12. Bài *Một lối nhìn thần học*, trong *Thời sự thần học*, số 17 (9 - 1999), tr. 40 - 41; tr. 60 - 61.

13. Rosino Gibellini, Sđd, p. 512.

#### ĐÍNH CHÍNH

Do sơ suất của nhà in trong số 3 - 2001 Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo bị đóng sai thứ tự một số trang (từ trang 35 đến trang 46), Toà soạn xin cáo lỗi cùng bạn đọc.

Toà soạn